

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2020/HS-ST**

Ngày: 21/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương H

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Vui; chức vụ: Chuyên viên phòng
Giáo dục – Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành
phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện
Biên tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên
Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:
38/2020/TLST- HS ngày 22 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 36/2020/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 5 năm 2020; đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Quảng Văn Ch;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh
ngày 21 tháng 9 năm 1993 tại tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Đội 5, xã Th X, huyện Đ
B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp:
Không; Trình độ học vấn: 8/12 phổ thông; Bố đẻ: Quảng Văn Th- Sinh năm 1968;
Mẹ đẻ: Quảng Thị H - Sinh năm 1968; Vợ: Lù Thị L (đã ly hôn), có 01 con sinh
năm 2017; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án cụ thể ngày 20/5/2019, Ch bị Tòa
án nhân dân huyện Điện Biên xét xử về tội Trộm cắp tài sản, áp dụng khoản 1
Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự
xử phạt 05 tháng tù; Buộc Ch phải bồi thường cho bị hại và tiền án phí. Ch chấp
hành án đến tháng 12/2019 ra trại và đã chấp hành xong tiền án phí, chưa trả tiền
cho bị hại.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 16/01/2020 đến ngày
21/01/2020, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến ngày xét xử (*có mặt tại
phiên tòa*).

2. Họ và tên: **Quảng Văn T;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh
ngày 20 tháng 4 năm 2002 tại tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: B K, phường N Th,
thành phố Đ B P, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12 phổ thông; Bố đẻ: Quảng Văn H (Đã chết); Mẹ đẻ: Lò Thị Y - Sinh năm 1983; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: Không. Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 16/01/2020 đến ngày 21/01/2020, sau đó thay đổi bằng biện pháp Giao người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi cho người đại diện giám sát. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992 – Trợ giúp viên thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa để bào chữa cho bị cáo Quảng Văn T (Có mặt).

* Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Quảng Văn T: Bà Lò Thị Y, sinh năm 1983; địa chỉ: B K, phường N Th, thành phố Đ B P, tỉnh Đ (Có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Quảng Thị H, sinh năm 1968; chỉ: Đội 15, xã Th X, huyện Đ B, tỉnh Đ (Có mặt);

- Bà Lò Thị Y, sinh năm 1983; địa chỉ: B K, phường N Th, thành phố Đ B P, tỉnh Đ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 15/01/2020 Quảng Văn T gọi điện thoại cho Quảng Văn Ch hỏi có Hồng phiến không? Ch bảo không có, nếu mua thì Ch đến đón cùng đi mua để sử dụng, T đồng ý. Ch điều khiển xe máy Biển kiểm soát 27AA - 016.91 đến khu vực cầu bản Khá, phường Nam Th chở T đến khu vực Đội 2, xã Th An, huyện Điện Biên thì dừng lại hỏi T có tiền không? T lấy 200.000 đồng đưa cho Ch. Ch cầm tiền cất vào túi quần rồi tiếp tục chở T đến giữa bản Xôm, xã Th An, huyện Điện Biên, gặp một người Th niên không quen biết đứng ngoài đường. Ch đặt vấn đề, đưa 200.000 đồng mua được 04 viên Hồng phiến, gói ngoài bằng mảnh nilon màu xanh. Ch nhét một mảnh giấy bạc màu vàng gói thêm vào bên ngoài gói Hồng phiến và cầm ở lòng bàn tay phải. Sau đó T điều khiển xe chở Ch về. Trên đường về Ch hỏi T đi đâu sử dụng ma túy. T bảo về nghĩa T Bản Khá sử dụng. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày khi T chở Ch vào qua cổng nghĩa T bản Khá, phường Nam Th, thành phố Điện Biên Phủ khoảng 05m, thì bị tổ công tác Công an phường Nam Th, thành phố Điện Biên Phủ yêu cầu dừng xe để kiểm tra, Ch liền thả gói Hồng phiến trong lòng bàn tay phải xuống đất, thì bị Tổ công tác phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Tại bản kết luận giám định số 114/GĐ-PC09 ngày 19/01/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Mẫu vật thu giữ của Quảng Văn Ch và Quảng Văn T gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT:323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Có khối lượng 0,42 gam. H lại sau giám định 0,39 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 33/CT- VKSTPĐBP ngày 21/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố Bị cáo Quảng Văn Ch và Quảng Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giữ nguyên quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Quảng Văn Ch từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Khoản 6 Điều 91, Khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Quảng Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Ch; Bị cáo T không phải chịu hình phạt bổ sung.

Áp dụng Điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,39 gam Methamphetamine, 01 mảnh nilon màu xanh và 01 mảnh giấy bạc màu vàng.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc mỗi Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Quan điểm người bào chữa cho Bị cáo Quảng Văn T: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 BLHS cho Bị cáo hưởng mức án từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

* Quan điểm của Viện kiểm sát: Về áp dụng điều luật, Viện kiểm sát đã áp dụng các điều luật mà người bào chữa đề nghị; Về mức hình phạt, theo quy định tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm và khối lượng Methamphetamine, quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự khởi điểm là từ 0,1 gam. Các bị cáo đã tàng trữ trái phép 0,42 gam trên mức khởi điểm. Nhưng xét về nhân thân bị cáo T không có tiền án, tiền sự, không nghiện ma túy, khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi, nên Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt từ 09 đến 12 tháng tù là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

* Quan điểm người bào chữa: Tôi vẫn giữ nguyên quan điểm không tranh luận gì thêm. Đề nghị HĐXX xem xét.

* Quan điểm của Viện kiểm sát: Vẫn giữ nguyên quan điểm không tranh luận gì thêm. Đề nghị HĐXX xem xét

Trong quá trình điều tra Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của các Bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các Bị cáo đã

thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, các Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các Bị cáo để các Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Bị cáo Quàng Văn Ch và Quàng Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai, bản tự khai, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với các Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại khu vực Nghĩa T B K, phường N Th, thành phố Đ B P, tỉnh Đ, Quàng Văn Ch và Quàng Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép 0,42gam Methamphetamine, mục đích để sử dụng. Hành vi của các Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật. Hành vi nêu trên của các Bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“ 1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

... c) ... Methamphetamine, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Bị cáo Quàng Văn Ch và Quàng Văn T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố các Bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là H toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các Bị cáo cùng thực hiện tội phạm, nhưng trước và trong khi phạm tội không có sự bàn bạc, phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể cho từng người, nên không có tổ chức. T là người khởi xướng, rủ rê, bỏ tiền và cùng đi mua ma túy; Ch là người chở T và trực tiếp mua và cất giấu ma túy, nên có vai trò như nhau.

[2] Về tính chất của vụ án: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi cất giấu trái phép ma túy nhằm mục đích sử dụng của các Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, các Bị cáo tH ý thức chấp hành pháp luật

nên các Bị cáo đã đi mua ma túy cất giấu để phục vụ nhu cầu bản thân sử dụng, các Bị cáo đã coi thường pháp luật. Chính vì vậy, các Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các Bị cáo để giáo dục các Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa Ch cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các Bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Quảng Văn Ch có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng Tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ Bị cáo Quảng Văn Ch và Quảng Văn T: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

* Người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn T đưa ra quan điểm: Đề nghị HĐXX áp dụng Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 BLHS cho Bị cáo hưởng mức án từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

* Quan điểm của Viện kiểm sát: Chấp nhận áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với Bị cáo T. Không chấp nhận mức hình phạt mà người bào chữa đưa ra 08 tháng tù đối với bị cáo T.

Từ những đề nghị trên: Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với Bị cáo T là có căn cứ. Do vậy HĐXX chấp nhận. Không chấp nhận mức hình phạt mà người bào chữa đưa ra 08 tháng tù. Đối với Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê gọi điện và bỏ tiền cho bị cáo Ch đi mua ma túy, khối lượng ma túy khi bắt quả tang là 0,42 gam. Do vậy HĐXX chấp nhận đề nghị của VKS đưa ra về mức hình phạt đối với Bị cáo T.

Ngoài hình phạt chính Bị cáo Ch còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, xét thấy Bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo Ch. Đối với Bị cáo T lhoong phải chịu hình phạt bổ sung.

[4] Về vật chứng vụ án: 0,39 gam Methamphetamine còn lại sau giám định; 01 mảnh nilon màu xanh; 01 mảnh giấy bạc màu vàng cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 chiếc điện thoại Samsung màu xám và 01 xe máy biển kiểm soát 27AA - 016.91, Bị cáo Ch mượn của bà Quảng Thị H (mẹ Ch); 01 điện thoại ITTEL màu đen, bị cáo T mượn của bà Lò Thị Y (mẹ T). Việc các Bị cáo sử dụng điện thoại và xe vào việc phạm tội, những người cho mượn đều không biết, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Do vậy HĐXX chấp nhận.

[5] Các vấn đề khác:

Các Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy Cơ quan điều tra thu giữ do các Bị cáo mua của một người Th niên không quen biết, các Bị cáo không biết tên, địa chỉ, Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì Bị cáo Quảng Văn Ch phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và Bị cáo Quảng Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với Bị cáo Quảng Văn Ch.

Tuyên bố: Bị cáo Quảng Văn Ch phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".
Xử phạt bị cáo: **18 (Mười tám)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (16/01/2020).

Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với Bị cáo Quảng Văn T.

Tuyên bố: Bị cáo Quảng Văn T phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".
Xử phạt bị cáo: **09(Chín)** tháng tù. Khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ 06 ngày, Bị cáo còn phải chấp hành **08 tháng 24** ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 0,39 gam Methamphetamine còn lại sau giám định; 01 mảnh nilon màu xanh; 01 mảnh giấy bạc màu vàng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên).

- Chấp nhận biên bản trao trả tài sản cho bà Quàng Thị H và bà Lò Thị Y.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Quàng Văn Ch phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Quàng Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/5/2020). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 21/5/2020./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ CATPĐBP;
- VKSND TP Điện Biên Phủ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CATPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐB Phủ;
- Tòa án ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

